

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-ST

Ngày 30/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Mơ và ông Điều Nhót.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-DS ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Địa chỉ: 45, đường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh,;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Ngô Trọng T, chức vụ: Giám đốc bán lẻ - Chi nhánh Đ; là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ- CT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Hoàng Hải M, chức vụ: Cán bộ phòng thu hồi nợ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 269, đường P, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Hoàng Hải M người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/03/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh Đ với ông Nguyễn Hải Đ- bà Phạm Thị Q đã ký Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN với số tiền vay là 550.000.000 đồng ( Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60

tháng, lãi suất vay 10,1389%/ năm, từ tháng 13 trở đi lãi suất được điều chỉnh 06 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ lãi, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay phục vụ nông nghiệp, phương thức trả góp, hình thức trả gốc là 12 tháng/ lần vào ngày 16 của tháng, trả lãi là 06 tháng/ 01 lần. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ và bà Q đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi là 82.894.227 đồng. Tính đến ngày 30/9/2020, ông Đ và bà Q còn nợ là 450.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 77.622.658 đồng.

Tại Hợp đồng Tín dụng số 0286/2019/HĐTD - CN ngày 04/04/2019 ông Nguyễn Hải Đ - bà Phạm Thị Q vay với số tiền 50.000.000 đồng ( *Năm mươi triệu đồng* ), lãi suất được quy định cụ thể như Hợp đồng tín dụng trên. Tính đến ngày xét xử ông Đ và bà Q còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 10.646.708 đồng (Hợp đồng này chưa trả khoản nào).

Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay, ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q đã liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần, cũng như đã tạo điều kiện cho ông Đ và bà Q trả nợ theo quy định. Khoản vay này Ngân hàng chúng tôi chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P yêu cầu Tòa án giải quyết :

Buộc ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tại các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày 16/03/2018, Số 0286/2019/HĐTD -CN ngày 04/04/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 588.269. 366 đồng ( *Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng* ), thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020, trong đó:

Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 72.905.652 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 15.363.714 đồng.

Ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày 16/03/2018 và hợp đồng tín dụng số 0286/2019/HĐTD - CN ngày 04/04/2019 kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0240/2016/BĐ ngày 02/03/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.1/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018; Hợp đồng thế chấp số 0351/2017/BĐ ngày 06/03/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.2/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018 đã được Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Đắk Nông chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay tại các Hợp đồng thế chấp trên là:

+ Thửa đất số 276, tờ bản đồ số 88, tại thôn 03, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 950203 do UBND huyện Đ cấp ngày 19/01/2015.

+ Thửa đất số 277; tờ bản đồ số 88, tại: T3, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 950204 do UBND huyện Đ cấp ngày 19/01/2015.

+ Thửa đất số 18; tờ bản đồ số 37, tại: Bản Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 045345 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/03/2017.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

*Bị đơn ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q:* Lời trình bày trên của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Hải M trình bày về việc ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thế chấp tài sản là đúng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, ông Đ và bà Q xin được trả lãi, còn nợ gốc trả sau. Hiện nay, ông Đ và bà Q nợ tổng số tiền gốc và lãi là 588.269. 366 đồng (*Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020, Trong đó:

Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 72.905.652 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 15.363.714 đồng.

Trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tại các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày 16/03/2018, Số 0286/2019/HĐTD-CN ngày 04/04/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 588.269. 366 đồng (*Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020, trong đó:

Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 72.905.652 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 15.363.714 đồng.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền gốc và lãi là 588.269. 366 đồng .Hiện nay, ông Đ và bà Q có đăng ký hộ khẩu tại xã H. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 26 BLTTDS và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 174, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn, vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

### [3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày 16/03/2018, Số 0286/2019/HĐTD - CN ngày 04/04/2019 thì các khoản vay dư nợ trong hợp đồng ông Đ và bà Q đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; tính đến ngày xét xử ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng ; lãi trong hạn 72.905.652 đồng ; lãi quá hạn 15.363.714 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 588.269. 366 đồng (*Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

[3.2] Xét các Hợp đồng thế chấp số 0240/2016/BĐ ngày 02/03/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.1/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018; Hợp đồng thế chấp số 0351/2017/BĐ ngày 06/03/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.2/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018 thì ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo lãnh nhằm bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích ông Đ và bà Q được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản đứng tên ông Đ và bà Q đã thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Kể từ ngày 01/10/2020, ông Đ và bà Q tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày

16/03/2018, Số 0286/2019/HĐTD-CN ngày 04/04/2019 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[3.4] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Đ và bà Q không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.5] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông Đ và bà Q để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, ông Đ và bà Q phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông Đ và bà Q phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi là 588.269.366 đồng = 20.000.000 đồng + (4 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (là 188.269.366 đồng x 4%) = 7.530.774 đồng. Vậy án phí phải chịu là: 27.530.774 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 174, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320 Điều 323 Bộ luật dân sự;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P;

Buộc ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); lãi trong hạn 72.905.652 đồng; lãi quá hạn 15.363.714 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 588.269.366 đồng (*Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020.

Kể từ ngày 01/10/2020, ông Đ và bà Q tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các Hợp đồng tín dụng số 0333/2018/HĐTD-CN ngày 16/03/2018, Số 0286/2019/HĐTD-CN ngày 04/04/2019 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 0240/2016/BĐ ngày 02/03/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.1/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018; Hợp đồng thế chấp số 0351/2017/BĐ ngày 06/03/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0333.2/SĐBS-HĐBĐ ngày 16/03/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ tại các Hợp đồng thế chấp trên là:

+ Thửa đất số 276, tờ bản đồ số 88, tại T3, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 950203 do UBND huyện Đ cấp ngày 19/01/2015.

+ Thửa đất số 277; tờ bản đồ số 88, tại: T3, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 950204 do UBND huyện Đ cấp ngày 19/01/2015.

+ Thửa đất số 18; tờ bản đồ số 37, tại: Bán Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 045345 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/03/2017.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, buộc ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải chịu và hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Hải Đ và bà Phạm Thị Q phải nộp 27.530.774 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 12.766.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000306 ngày 15/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Hoàng Thị Thu Hà**